



Bài báo nghiên cứu

SO SÁNH HỆ THỐNG BÀI TẬP THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT GIỮA CÁC BỘ SÁCH GIÁO KHOA NGỮ VĂN 6 (CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018)

Đinh Thị Thu Phương

Trường Đại học Thủ Dầu Một, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Đinh Thị Thu Phương – Email: phuongdtt@tdmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 20-12-2021; ngày nhận bài sửa: 14-7-2022; ngày duyệt đăng: 24-8-2022

TÓM TẮT

Việc ra đời của sách giáo khoa (SGK) mới trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đã đưa đến nhiều cơ hội và thách thức đối với đội ngũ biên soạn SGK, các nhà quản lý giáo dục, giáo viên và học sinh (HS). Việc tiếp cận cùng lúc với nhiều bộ sách khác nhau đòi hỏi người chọn lựa sách phải có cái nhìn tổng quát để thấy được ưu điểm riêng của từng bộ sách. Bài viết này tiếp cận ba bộ sách Ngữ văn 6 (Cánh diều, Chân trời sáng tạo, Kết nối tri thức với cuộc sống) trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ góc nhìn so sánh, đánh giá hệ thống bài tập thực hành tiếng Việt. Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự khác biệt giữa ba bộ sách trong trình tự sắp xếp, trọng tâm kiến thức và khả năng đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn. Bài viết cung cấp cái nhìn từ tổng quát đến chi tiết đối với hệ thống bài tập tiếng Việt trong các sách Ngữ văn 6 để các địa phương, trường học có thêm cơ sở để đánh giá, chọn lựa sách sao cho phù hợp với mục tiêu và nhu cầu của mình.

Từ khóa: *Cánh diều; Chân trời sáng tạo; Kết nối tri thức với cuộc sống; sách giáo khoa Ngữ văn lớp 6; Chương trình giáo dục phổ thông 2018; bài tập thực hành tiếng Việt*

1. Đặt vấn đề

Việc đổi mới SGK năm 2018 ở Việt Nam là một bước phát triển tất yếu. Kế thừa những nền tảng lý luận và thực tiễn của các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới, kết hợp với tình hình dạy học ở Việt Nam, *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể* được xây dựng để “tạo chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng và hiệu quả giáo dục phổ thông; kết hợp dạy chữ, dạy người và định hướng nghề nghiệp; góp phần chuyển nền giáo dục nặng về truyền thụ kiến thức sang nền giáo dục phát triển toàn diện cả về phẩm chất lẫn năng lực, hài hoà đức, trí, thể, mỹ và phát huy tốt nhất tiềm năng của mỗi HS” (Ministry of Education and Training, 2018, p.3). Trong giai đoạn giáo dục cơ bản, môn Ngữ văn (ở cấp Tiểu học gọi là

Cite this article as: Đinh Thị Thu Phương (2022). A comparison among the systems of Vietnamese practice exercises in three sets of literature textbooks designed for the 6th grade students (The general education program issued in 2018). *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 19(8), 1198-1210.

môn Tiếng Việt) đóng vai trò quan trọng, ngoài việc góp phần bồi dưỡng nhận thức thẩm mỹ, hình thành và phát triển tâm hồn, nhân cách của HS, còn là môn học cung cấp công cụ để HS sử dụng tiếng Việt “chính xác, mạch lạc, có hiệu quả và sáng tạo với những mục đích khác nhau trong nhiều ngữ cảnh đa dạng” (Bui, 2014, p.25), nhờ đó mà HS có thể thụ đắc các môn học khác.

Ngày 09/02/2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phê duyệt các SGK lớp 6, dùng từ năm học 2021-2022 (Ministry of Education and Training, 2021, p.1), trong đó có ba bộ Ngữ văn lớp 6: *Chân trời sáng tạo*, *Kết nối tri thức với cuộc sống* và *Cánh diều*. Được xây dựng theo hướng mở, chương trình giáo dục phổ thông chỉ quy định các nội dung cốt lõi và “những nguyên tắc, định hướng chung về yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của HS, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục và việc đánh giá kết quả giáo dục, không quy định quá chi tiết, để tạo điều kiện cho tác giả SGK và giáo viên phát huy tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện chương trình” (Ministry of Education and Training, 2018, p.6). Theo đó, các đội ngũ biên soạn SGK được tự do lựa chọn ngữ liệu, sắp xếp các đơn vị kiến thức và phân bổ thời lượng riêng cho từng bộ sách. Do đó, giữa ba bộ sách có sự khác biệt về trình tự sắp xếp, dung lượng bài tập và phương pháp thực hành tiếng Việt. Sự khác nhau này sẽ dẫn đến sự khác biệt ít nhiều về trọng tâm kiến thức và kỹ năng đạt được của HS.

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được xây dựng theo hướng tích hợp, kế thừa yêu cầu tích hợp của chương trình trước đó, đồng thời nâng cao và hoàn thiện một bước: chương trình từ tiểu học đến trung học phổ thông, chỉ có trục tích hợp là kỹ năng ngôn ngữ. Việc thực hiện các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe thể hiện rõ qua nhu cầu phát triển năng lực. Yêu cầu tích hợp không chỉ về nội dung, kỹ năng mà còn cả phương pháp dạy học; không chỉ tích hợp môn học mà còn thực hiện tích hợp liên môn, xuyên môn (Do, 2019, p.138). Đặc biệt, chương trình mới không phân biệt các mảng Văn học, Tiếng Việt, Tập làm văn như trước đây. Mặc dù vậy, mảng kiến thức về tiếng Việt vẫn được tách ra thành tiểu mục riêng trong các bộ sách, nhằm nhấn mạnh trọng tâm cần đạt trong tổ chức hoạt động dạy học. Phần *Thực hành tiếng Việt* dành cho HS cơ hội vận dụng kiến thức về ngôn ngữ để phân tích các văn bản đã đọc, qua đó góp phần phát triển năng lực đọc, viết, nói và nghe. Bài viết này tiến hành khảo sát hệ thống bài tập tiếng Việt trong ba bộ sách đã được phê duyệt, so sánh để đưa ra nhận xét về trình tự phân bố kiến thức, dung lượng bài tập và mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của Bộ Giáo dục và Đào tạo để từ đó thấy được sự khác biệt giữa ba bộ sách. Thông qua đó, người tiếp cận sẽ có cái nhìn tổng quan về phần tiếng Việt trong ba bộ sách, từ đó có thêm cơ sở để chọn lựa SGK, triển khai bài dạy và thấy rõ trọng tâm của từng bộ sách.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Đối tượng và tư liệu nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng được khảo sát là các mục *Thực hành tiếng Việt* xuất hiện trong phần *Đọc* của các bộ *Chân trời sáng tạo*, *Kết nối tri thức với cuộc sống*, *Cánh diều*. Ngoài ra, còn đưa vào các bài tập tiếng Việt xuất hiện trong phần *Tự đánh giá* của bộ *Cánh diều* và trong các bài ôn tập cuối mỗi học kì của cả ba bộ sách.

Tư liệu nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu tiếp cận ba bộ sách Ngữ văn 6 được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt theo Quyết định số 718/QĐ-BGDĐT được đưa vào sử dụng từ năm học 2021-2022 (Ministry of Education and Training, 2021, p.1), cụ thể là:

- Ngữ văn 6 (tập 1, 2) của nhóm tác giả Nguyễn Thị Hồng Nam (chủ biên), Trần Lê Duy, Nguyễn Thị Ngọc Diệp, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Dương Thị Hồng Hiếu, Phan Mạnh Hùng, Trần Tiên Thành, Lê Quang Trường, thuộc bộ sách *Chân trời sáng tạo* do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam in ấn và phát hành;

- Ngữ văn 6 (tập 1, 2) của nhóm tác giả Bùi Mạnh Hùng (tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa (chủ biên), Phan Huy Dũng, Phạm Đăng Xuân Hương, Đặng Lưu, Nguyễn Thanh Tùng, Nguyễn Linh Chi, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương, thuộc bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam in ấn và phát hành;

- Ngữ văn 6 (tập 1, 2) của nhóm tác giả Nguyễn Minh Thuyết (tổng chủ biên), Đỗ Ngọc Thống (chủ biên), Lê Huy Bắc, Phạm Thị Thu Hiền, Phạm Thị Thu Hương, Nguyễn Văn Lộc, Trần Nho Thìn, Bùi Minh Đức, Trần Văn Toàn, thuộc bộ sách *Cánh diều* do Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh in ấn và phát hành.

Ngoài ra, *Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể* và *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* được ban hành kèm Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo được lấy làm quy chuẩn tham chiếu, đánh giá các bộ sách.

Cần lưu ý rằng *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018* được thiết kế theo hướng tích hợp, không phân biệt các mảng kiến thức Văn học, Tiếng Việt, và Tập làm văn nên nhìn ở góc độ tổng thể có thể nói kiến thức tiếng Việt xuất hiện trên mọi trang sách (nhờ kiến thức về tiếng Việt mà HS có thể đọc, viết, nói và nghe, ngược lại các kỹ năng ngôn ngữ này lại hỗ trợ để HS được trau dồi, rèn luyện, nâng cao khả năng ngôn ngữ). Tuy nhiên, để đánh giá được mức độ hoàn thành của mảng kiến thức tiếng Việt trong từng bộ sách, tác giả chỉ giới hạn đối tượng nghiên cứu ở các bài tập được các tác giả đặt vào mục *Thực hành tiếng Việt*, *Tự đánh giá* hoặc *Ôn tập* trực tiếp hỏi vào kiến thức tiếng Việt. Trong đó, có dạng bài “viết đoạn văn có vận dụng một đơn vị kiến thức tiếng Việt...” bị loại trừ, vì đây cũng là một dạng bài tập tổng hợp, nhiều hoạt động cần thực hiện để đạt yêu cầu, có chứa cả kiến thức lẫn kỹ năng thuộc mảng Văn học, Tập làm văn.

2.2. Phân tích dữ liệu

2.2.1. Cách thức tiến hành phân tích dữ liệu

Trước tiên, các bài tập thuộc về kiến thức tiếng Việt (trong phần *Thực hành tiếng Việt, Tự đánh giá, Ôn tập*) xuất hiện trong ba bộ sách được tập hợp. Trong đó, vùng trọng tâm của ngữ liệu là các bài liên quan đến nội dung kiến thức cần đạt đối với chương trình tiếng Việt lớp 6 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ tiểu mục 1.1 đến 4.2 xuất hiện từ trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 (Ministry of Education and Training, 2018, p.40-42). Những bài tập tiếng Việt mang tính chất liên kết bài cũ, gợi nhớ, rèn luyện kiến thức cũ được xem là vùng biên của ngữ liệu, được tách ra nhận xét riêng. Nói cách khác, những bài tập nằm ngoài quy định bắt buộc của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với chương trình Ngữ văn 6 không được đưa vào để nhận xét mức độ đáp ứng đối với SGK lớp 6 mà được tổng hợp và so sánh riêng.

Sau đó, các lệnh đề của bài tập được phân tích, thống kê nhằm đánh giá hệ thống bài tập theo thang độ nhận thức. Khác với việc phân loại theo “số câu hỏi”, chúng tôi phân loại theo “số lệnh đề” (số hoạt động bắt buộc mà HS phải thực hiện để đạt được điểm cho từng phần cụ thể trong đề) vì trên thực tế một bài tập có thể kèm theo một hoặc nhiều yêu cầu bắt buộc khác nhau. Việc đánh giá dựa trên số lệnh đề được chọn vì lệnh đề gắn liền với hoạt động thực tế của HS và hoạt động đánh giá của giáo viên trong các thang điểm, từ đó phản ánh khách quan hơn độ bám của sách đối với yêu cầu của Bộ. Bài viết không dùng thang đánh giá năng lực 6 bậc của Bloom mà chỉ dùng ba mức đo nhận thức “biết”, “hiểu”, “vận dụng” để đánh giá sát hơn với yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Dựa vào bảng hướng dẫn sử dụng từ ngữ mô tả mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt trong *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (Ministry of Education and Training, 2018, p.88-89), tác giả tập hợp, phân loại các lệnh đề trong sách để lập bảng mô tả các lệnh đề thuộc những mức độ nhận thức theo thang *biết, hiểu và vận dụng* như sau (xem Bảng 1):

Bảng 1. Bảng mô tả các lệnh đề thuộc các mức độ nhận thức

STT	Mức độ	Mô tả hoạt động của HS
1	Biết	<p>HS nhớ các khái niệm cơ bản, có thể nhận diện được các đơn vị tiếng Việt thuộc đặc điểm của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, các chức năng của ngôn ngữ trong giao tiếp, các nhân tố tham gia giao tiếp thể hiện trong văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm từ, cụm từ, câu sẵn có trong ngữ liệu sách đưa ra sao cho đáp ứng một yêu cầu của đề bài; ví dụ: yêu cầu là dấu câu, là từ đơn, từ phức, là thành ngữ, từ vay mượn, câu chủ đề của đoạn văn... - Tìm từ, cụm từ có chứa biện pháp tu từ đã được gọi tên; ví dụ: ẩn dụ, hoán dụ, so sánh, điệp từ/ điệp ngữ... - Xác định số đoạn văn có trong văn bản - Thuật lại chức năng của một đơn vị ngôn ngữ đã được học; ví dụ: công dụng của các dấu câu, trạng ngữ...

<p>2</p> <p>Hiểu</p>	<p>HS thông hiểu các khái niệm cơ bản và có thể vận dụng chúng để phân loại, giải thích, nhận xét, tóm tắt các đơn vị kiến thức tiếng Việt trong chương trình Ngữ văn 6:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân loại ngữ liệu dựa vào các khái niệm đã học; ví dụ: đa nghĩa và đồng âm, phép ẩn dụ và so sánh, từ thuần Việt và Hán Việt... - Giải thích ý nghĩa của từ, cụm từ, hoặc nói từ, cụm từ với nghĩa tương ứng; ví dụ: nghĩa của một thành ngữ, một hình ảnh ẩn dụ, đối tượng quy chiếu của một đại từ... - Phân tích/nêu tác dụng của một đơn vị kiến thức xuất hiện trong câu; ví dụ: một biện pháp tu từ, một trạng ngữ, một phép liên kết câu... - Xác định từ trung tâm của một cụm từ; ví dụ: cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ - Chỉ ra điểm khác biệt sau khi lược bỏ hoặc thay thế từ ngữ đang dùng bằng từ ngữ khác, sau khi biến đổi cấu trúc câu - Hệ thống hoá các đơn vị kiến thức tiếng Việt đã học để điền vào bảng cho sẵn
<p>3</p> <p>Vận dụng</p>	<p>HS có thể sử dụng kiến thức tiếng Việt để giải quyết các vấn đề mới, không giống với những điều đã được học hoặc đã trình bày trong sách:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặt câu với từ, cụm từ cho sẵn - Tìm hoặc tạo ra các từ, cụm từ dựa vào một quy tắc cụ thể, ví dụ: tạo ra từ Hán Việt có một yếu tố có nghĩa cho sẵn, tìm thành ngữ chứa các yếu tố trái nghĩa với nhau - Sử dụng cấu trúc khác để viết lại câu sao cho thoả mãn một yêu cầu của đề bài, ví dụ: để nhấn mạnh, để bổ sung thông tin, để có chủ ngữ là một cụm danh từ... - Đặt nhan đề cho văn bản

Bên cạnh đó, chúng tôi tham chiếu yêu cầu cần đạt đối với kiến thức tiếng Việt ở cấp Tiểu học để xử lý những bài tập mang tính chất liên kết với bài cũ. Các bài tập này được thống kê, lập bảng so sánh để xác định mức độ liên quan, khả năng kế thừa, nối kết của mỗi bộ sách.

Sau cùng, chúng tôi đưa thêm những nhận xét riêng để người đọc có cái nhìn cụ thể hơn về ưu điểm của từng bộ sách.

2.3. Kết quả phân tích dữ liệu

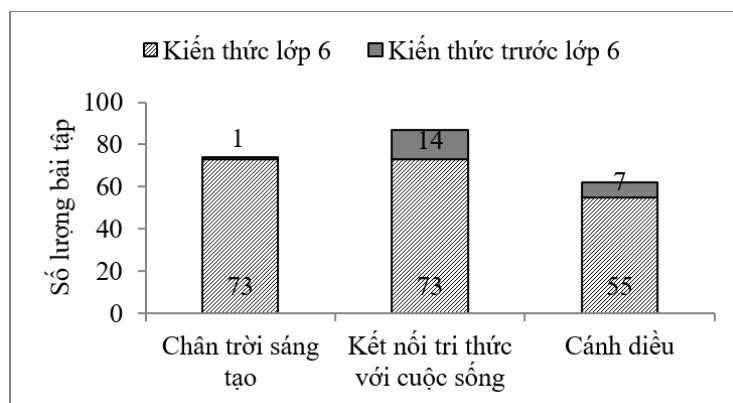
2.3.1. Có sự chênh lệch về số lượng bài tập tiếng Việt giữa các bộ sách

Sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* có nhiều bài tập tiếng Việt nhất (85 bài). So với bộ sách này thì số lượng bài tập trong sách *Chân trời sáng tạo* ít hơn 11 bài, sách *Cánh diều* ít hơn 23 bài.

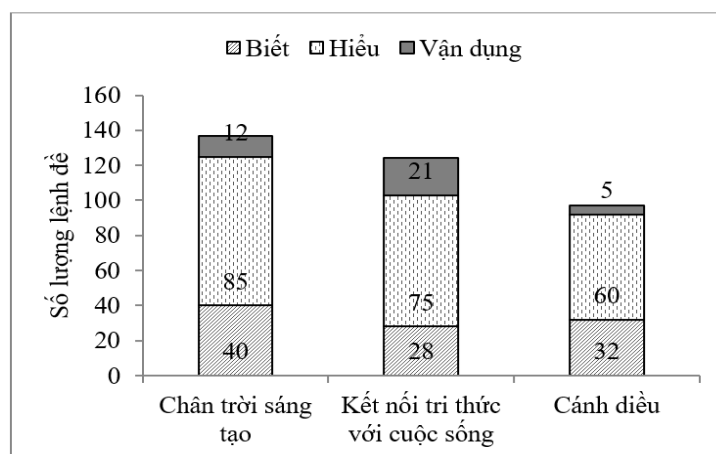
So riêng về lượng bài tập đảm bảo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với chương trình Tiếng Việt lớp 6, sách *Chân trời sáng tạo* và sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* có số lượng bài tập bằng nhau (73 bài) trong khi sách *Cánh diều* có số lượng bài tập khiêm tốn hơn (55 bài).

2.3.2. Có sự chênh lệch về mức độ cần đạt theo thang đánh giá năng lực giữa các bộ sách (xem Biểu đồ 1, Biểu đồ 2, Biểu đồ 3)

Biểu đồ 1. Số lượng bài tập tiếng Việt trong ba bộ sách



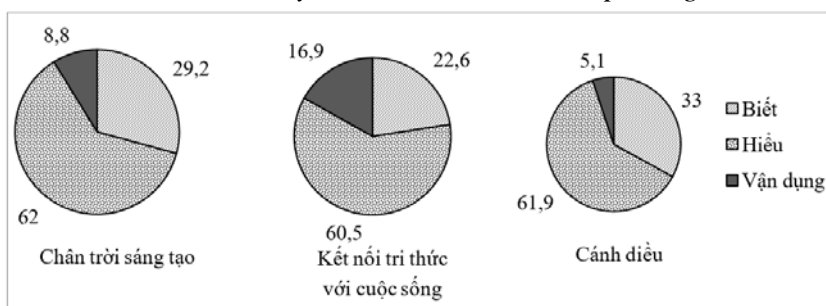
Biểu đồ 2. Số lượng lệnh đề yêu cầu thực hiện bài tập tiếng Việt trong ba bộ sách



Xét riêng về bài tập tiếng Việt nằm trong khối kiến thức cần đạt của chương trình lớp 6, sách *Chân trời sáng tạo* có 137 lệnh đề, sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* có số lượng ít hơn (với 124 lệnh đề) và sách *Cánh diều* có số lệnh đề ít nhất (97 lệnh đề).

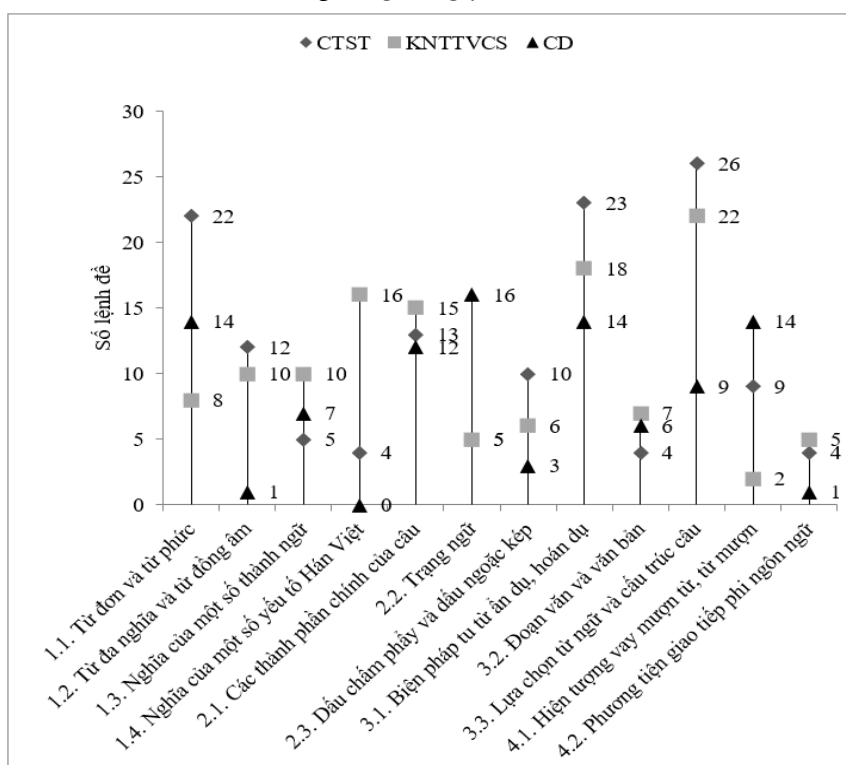
Xét về tỉ lệ lệnh đề ở các mức *biết*, *hiểu*, *vận dụng*, cả ba bộ sách đều dành khoảng 60% lệnh đề yêu cầu ở mức độ *hiểu*. Ở mức độ *vận dụng*, sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* có tỉ lệ cao nhất (16,9%), sách *Chân trời sáng tạo* có tỉ lệ 8,8%, sách *Cánh diều* có tỉ lệ 5,1%.

Biểu đồ 3. Tỷ lệ lệnh đề yêu cầu thực hiện bài tập trong ba bộ sách



2.3.3. Các sách đặt trọng tâm luyện tập khác nhau ở từng mảng kiến thức tiếng Việt (xem Biểu đồ 4)

Biểu đồ 4. Số lệnh đề đáp ứng từng yêu cầu cụ thể của ba bộ sách



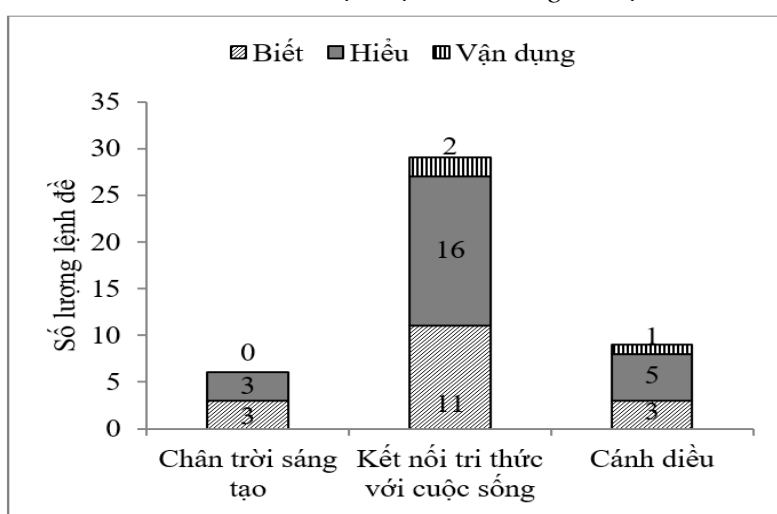
Các mục từ 1.1 đến 4.2 được biểu diễn trong Biểu đồ 4 là các yêu cầu cần đạt được quy định trong *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*. Kết quả nghiên cứu cho thấy số lệnh đề ở từng yêu cầu khác nhau rõ rệt; nói cách khác, các sách đặt trọng tâm luyện tập vào từng mảng kiến thức khác nhau. Cụ thể là:

Về phân trọng tâm: Sách *Chân trời sáng tạo* chú trọng vào rèn luyện từ đơn và từ phức, biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ, sự lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu; sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* chú trọng rèn luyện nghĩa của một số yếu tố Hán Việt, biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ, sự lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu; sách *Cánh diều* chú trọng từ đơn và từ phức, trạng ngữ, biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ, và hiện tượng vay mượn từ.

Về phần không trọng tâm: sách *Chân trời sáng tạo* không chú trọng vào nghĩa của một số thành ngữ, nghĩa của một số yếu tố Hán Việt, trạng ngữ, đoạn văn và văn bản; sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* không chú trọng vào trạng ngữ và hiện tượng vay mượn từ; sách *Cánh điều* không chú trọng vào từ đa nghĩa và đồng âm, dấu chấm phẩy và dấu ngoặc kép, và đặc biệt là không có bài tập nào rèn luyện về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng. Cả ba bộ sách đều không đặt trọng tâm vào phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

2.3.4. Có sự chênh lệch về khả năng liên hệ với kiến thức cũ ở ba bộ sách (xem Biểu đồ 5, Biểu đồ 6)

Biểu đồ 5. Số lượng lệnh đề liên quan đến kiến thức trước lớp 6 chia theo các mức độ nhận biết trong ba bộ sách



Liên hệ với kiến thức cũ là phần không bắt buộc trong yêu cầu thiết kế chương trình Ngữ văn 2018. Tuy nhiên, kiến thức cũ lại đóng vai trò là tri thức nền, có tác động tích cực đối với khả năng tiếp thu kiến thức mới của HS, nhất là khi kiến thức mới có mối quan hệ gần gũi, tương đồng, có khi dễ nhầm lẫn với kiến thức cũ.

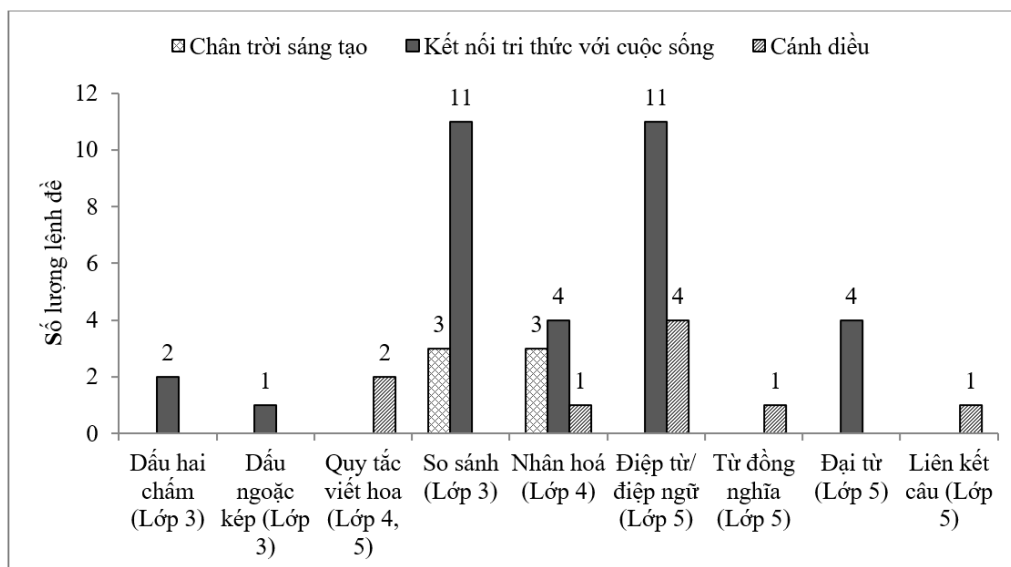
Trong ba bộ sách, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống* đã thực hiện tốt nhất và vượt xa hai bộ còn lại trong việc liên hệ với kiến thức cũ. Bên cạnh 14 bài tập được thiết kế hoàn toàn để liên hệ với kiến thức cũ, sách còn dành thêm các lệnh đề rải rác trong các bài (tổng cộng 29 lệnh đề). Sách *Cánh điều* có khả năng liên hệ ít hơn (9 lệnh đề) và sách *Chân trời sáng tạo* ít liên hệ nhất (6 lệnh đề). Số lượng lệnh đề trong sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* nhiều gấp hơn 3 lần so với sách *Cánh điều* và gấp gần 5 lần so với sách *Chân trời sáng tạo*.

Về độ rộng của kiến thức cũ, có sự khác biệt đáng kể.

Sách *Chân trời sáng tạo* chỉ ôn tập so sánh và nhân hóa. Sách *Cánh điều* từ một góc nhìn khác lại chú trọng ôn tập về quy tắc viết hoa (danh từ riêng và danh từ chung khi cần thể hiện sự tôn trọng), điệp từ/ điệp ngữ, từ đồng nghĩa và liên kết câu. Sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* chú trọng ôn tập các dấu câu, đáng chú ý là dấu ngoặc kép (đánh dấu lời đối

thoại) ở bài 2 trước khi giới thiệu công dụng mới (đánh dấu cách hiểu một từ ngữ không theo nghĩa thông thường) ở bài 5.

Biểu đồ 6. Số lượng lệnh đề theo từng đơn vị kiến thức trước lớp 6 trong ba bộ sách



Các bộ sách đều đặt trọng tâm vào luyện tập về biện pháp tu từ như *so sánh* (lớp 3), *nhân hóa* (lớp 4), *điệp từ/điệp ngữ* (lớp 5). Biện pháp *so sánh* và *nhân hóa* được chú trọng hơn vì chương trình lớp 6 dạy mới về *ẩn dụ* và *hoán dụ*.

2.3.5. Có sự khác nhau trong trình tự sắp xếp bài tập tiếng Việt giữa ba bộ sách

Theo quy định, phần *Thực hành tiếng Việt* thuộc nội dung *Đọc* được thiết kế để cung cấp công cụ cho HS khai thác ngữ liệu trong bài đọc và hiểu bài đọc một cách tối ưu. Các nội dung đưa ra luyện tập bám sát nội dung bài đọc hiểu. Vì vậy, phần *Thực hành tiếng Việt* được đặt ngay sau hai bài đọc hiểu. Sách *Cánh diều* có đưa thêm một vài câu hỏi củng cố tiếng Việt trong phần *Tự đánh giá* ở cuối bài. Riêng sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* tách thành hai phần *Thực hành tiếng Việt*, đặt sau hai bài đọc hiểu.

2.4. Thảo luận

Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 tuy được định hướng theo phương pháp tích hợp nhưng hệ thống bài tập *Thực hành tiếng Việt* vẫn được thiết kế thành một mục chuyên biệt để HS có cơ hội rèn luyện kĩ hơn. Điều này thể hiện được sự chú trọng đúng mực của các tác giả đối với kiến thức và kĩ năng sử dụng tiếng Việt dành cho HS.

Nhìn chung, cả ba bộ sách đã đáp ứng tốt yêu cầu đặt ra trong *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* dành cho HS lớp 6. Hầu hết kiến thức và kĩ năng thuộc các tiểu mục từ 1.1 đến 4.2 đều được đảm bảo truyền tải đến HS thông qua hệ thống bài tập thực hành ở các mức độ biết, hiểu và vận dụng.

Cả ba bộ sách cùng đặt trọng tâm vào rèn luyện biện pháp tu từ (*ẩn dụ*, *hoán dụ*), lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu trong diễn đạt. Đây cũng là phần trọng tâm của kiến thức tiếng

Việt lớp 6. Việc thông thạo các nội dung này sẽ đảm bảo cho HS dễ dàng tiếp cận các nội dung dạy học văn bản tự sự, biểu cảm, nghị luận... ở chương trình Ngữ văn trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Tuy nhiên, có sự khác biệt nhất định giữa các bộ sách về trình tự sắp xếp hệ thống bài tập, số lượng bài tập, số lệnh đề và khả năng nối kết của sách với kiến thức cũ.

Sách *Cánh diều* có số lượng bài tập và lệnh đề ít nhất trong ba bộ sách. Về độ khó, bộ sách này cũng có yêu cầu cần đạt ở mức vận dụng thấp nhất trong ba bộ sách. Các câu hỏi xuất hiện ở phần *Tự đánh giá* đều ở hình thức câu hỏi trắc nghiệm với độ khó không cao. Bên cạnh đó, bộ sách này thiên về nhận diện và sử dụng từ ngữ vay mượn mà không đặt nặng yêu cầu tiếp cận từ Hán Việt bằng cách am hiểu nghĩa của các hình vị cấu tạo. Về trọng tâm kiến thức, sách *Cánh diều* đặc biệt chú trọng rèn luyện cấu tạo từ, thành phần câu, biện pháp tu từ và từ vay mượn. Đây được xem là các đơn vị cơ bản của kiến thức tiếng Việt lớp 6, cho phép HS có đủ tri thức nền để tiếp nhận và tạo lập văn bản ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông. Về khả năng nối kết với tri thức cũ, sách *Cánh diều* có khả năng nối kết tốt hơn so với sách *Chân trời sáng tạo*. Như vậy, có thể nói hệ thống bài tập tiếng Việt trong bộ *Cánh diều* có phần nhẹ hơn các bộ sách còn lại. Việc này góp phần đỡ tạo áp lực cho HS và giáo viên. Nhờ đó, giáo viên có nhiều thời gian hơn trong việc hướng dẫn HS giải bài tập, hoặc bố trí thêm thời gian cho các hoạt động viết, nói và nghe.

Sách *Chân trời sáng tạo* có nhiều bài tập và hoạt động rèn luyện nhất. Về trọng tâm kiến thức, sách *Chân trời sáng tạo* chú trọng vào cấu tạo từ, nghĩa của từ, biện pháp tu từ, thành phần câu và lựa chọn từ ngữ, cấu trúc câu. So với bộ *Cánh diều*, hệ thống bài tập trong *Chân trời sáng tạo* đặt nhiều trọng tâm hơn, đồng nghĩa với việc yêu cầu đặt ra với HS là cao hơn. Tuy nhiên, khả năng nối kết kiến thức cũ của sách này còn hạn chế. Như vậy, hệ thống bài tập tiếng Việt trong sách *Chân trời sáng tạo* được xem là hài hoà, yêu cầu không thấp nhưng cũng không quá cao đối với người học.

Sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* có số hoạt động rèn luyện tương đương với sách *Chân trời sáng tạo*. Trong đó, số lượng lệnh đề giữa các tiểu mục tương đối đồng đều (trong khi hai bộ còn lại có sự chênh lệch đáng kể). HS sẽ có cơ hội rèn luyện năng lực sử dụng tiếng Việt một cách toàn diện, đảm bảo kiến thức không quá nhiều hay quá ít ở một nội dung nào. Về phần trọng tâm kiến thức, sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* chú trọng vào rèn luyện nghĩa của từ, thành ngữ, biện pháp tu từ, thành phần chính của câu, lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu. Đặc biệt, bộ sách này chú trọng kỹ năng phỏng đoán nghĩa để hiểu và sử dụng từ Hán Việt trong khi hai bộ sách còn lại không đặt nặng nội dung này. Từ Hán Việt là một nội dung dạy học quan trọng vì trong thực tế đời sống, người Việt sử dụng hơn 70% số lượng từ là từ Hán Việt. Việc am hiểu nghĩa của các hình vị để tiến đến giải mã nghĩa của từ Hán Việt bất kỳ trong giao tiếp là một kỹ năng cần thiết để giao tiếp đạt hiệu quả cao. Đây có thể được xem là một ưu điểm mà sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* đạt được. Về khả năng

kết nối với tri thức cũ, bộ sách này có khả năng kết nối nhiều nhất và liên hệ rộng nhất đối với tri thức tiếng Việt ở tiểu học. Nhìn chung, bộ sách này cho phép HS được rèn luyện kiến thức và kỹ năng một cách toàn diện nhất. Tuy nhiên, điều này cũng có nghĩa là nhiệm vụ đặt ra đối với HS là nặng hơn, yêu cầu HS và giáo viên phải dành nhiều thời gian và công sức hơn để rèn luyện.

Việc thiết kế kết cấu nội dung bài học có sự khác nhau, các bài tập tiếng Việt được bố trí liên mạch (phần *Thực hành tiếng Việt* được bố trí liên tục sau khi kết thúc các bài đọc hiểu trong sách *Chân trời sáng tạo* và *Cánh diều*) hay cách quãng (phần *Thực hành tiếng Việt* được bố trí sau mỗi bài đọc hiểu của sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*) cũng là một yếu tố ảnh hưởng đến trình tự tổ chức và phương pháp dạy học. Việc bố trí bài tập tập trung sau các bài đọc hiểu giúp hình thành ở HS kỹ năng xuyên suốt các bài đọc, liên hệ các ngữ liệu khác nhau trong cùng một nội dung lí thuyết. Còn việc bố trí bài tập cách quãng sau từng bài đọc, trên một góc nhìn khác, lại cho HS có thời gian giãn cách để thấy việc giải bài tập tiếng Việt đỡ nặng nề, góp phần tăng hứng thú và sự chú ý vào bài học.

Mỗi bộ SGK như đã phân tích đều có những ưu điểm riêng trong cách tiếp cận chương trình, phong cách biên soạn và ngữ liệu. Chính sự khác nhau cơ bản này tạo nên sức thu hút riêng của từng bộ sách. Sự đa dạng này tạo ra thị trường SGK lớn hơn về quy mô, đa dạng hơn về chủng loại. Đây là cơ hội, cũng là thách thức đối với đội ngũ lựa chọn SGK ở địa phương. Các hội đồng lựa chọn SGK ngoài việc dựa vào các tiêu chí như trình độ dân trí, năng lực của giáo viên, chất lượng đầu vào của HS, quy mô lớp học, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, yếu tố lịch sử, văn hoá, tôn giáo của từng địa phương, tài liệu hỗ trợ dạy học... thì còn phải dựa vào kết quả nghiên cứu nội dung kiến thức và cách thiết kế SGK của từng bộ sách. Bài viết đã phản ánh một góc nhìn SGK Ngữ văn 6 của ba bộ sách hiện hành để các địa phương có thêm cơ sở để lựa chọn.

Theo như giới hạn ban đầu của phạm vi nghiên cứu, bài viết này chỉ dừng lại đánh giá ba bộ sách Ngữ văn 6 bằng việc phân tích hệ thống bài tập tiếng Việt, chưa hoàn toàn miêu tả được tất cả các bình diện kiến thức xuất hiện trong sách. Để đánh giá toàn diện khả năng giúp phát triển phẩm chất, năng lực ở HS của từng bộ sách, còn cần thêm các công trình nghiên cứu khác tiếp cận ba bộ sách trên các bình diện khác (như lịch sử văn học, lí luận văn học và tập làm văn) để có những đánh giá tổng hợp, toàn diện hơn.

3. Kết luận

Bài viết này tiếp cận ba bộ sách Ngữ văn 6 đã được phê duyệt sử dụng trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ hướng so sánh, đánh giá hệ thống bài tập thực hành tiếng Việt. So với bộ sách chung trước đây, điểm khác biệt của cả ba bộ này là ở chỗ thay đổi căn bản về mức độ nông/sâu của kiến thức về tiếng Việt và phương thức đưa kiến thức vào bài học. Kết quả nghiên cứu cho thấy cả ba bộ sách đã đáp ứng được yêu cầu bắt buộc đối với

chương trình Tiếng Việt lớp 6. Tuy nhiên, giữa các bộ sách có sự khác nhau nhất định trong trình tự sắp xếp, triển khai các nội dung, và đặt trọng tâm rèn luyện.

Việc lựa chọn SGK từ năm học 2021-2022 được tiến hành theo từng tỉnh/thành căn cứ vào đặc điểm kinh tế – xã hội của địa phương. Sau đó, đối với các địa phương phê duyệt nhiều bộ sách, các trường sẽ ra quyết định ban hành danh mục sách tùy thuộc vào kết quả nghiên cứu, phân tích điều kiện tổ chức dạy và học của từng cơ sở. Với kết quả nghiên cứu này, bài viết hi vọng đã chỉ ra được ưu điểm của mỗi bộ sách để người tiếp cận sẽ có thêm cơ sở để chọn lựa bộ sách phù hợp với nhu cầu và điều kiện riêng của mình.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bui, M. H. (2014). Phác thảo chương trình Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực [An Outline of Competency-Based Curriculum of Vietnamese Language Arts and Literature]. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 56, 23-41.
- Do, N. T. (2019). Chương trình Ngữ văn 2018 – Một bước tiến quan trọng trong lịch sử phát triển Chương trình giáo dục phổ thông Việt Nam [2018 Literature Program – an Important Milestone in the History of the Development of High School Curriculum in Vietnam]. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 7, 131-139.
- Ministry of Education and Training (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể [General curriculum for General education levels]*. Retrieved from <http://rgep.moet.gov.vn/chuong-trinh-gdpt-moi/chuong-trinh-duoc-phe-duyet/gioi-thieu-tom-tat-chuong-trinh-tong-the-4728.html>
- Ministry of Education and Training (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn [General education curriculum in Language Arts and Literature]*. Retrieved from <http://rgep.moet.gov.vn/chuong-trinh-gdpt-moi/chuong-trinh-cac-mon-hoc/chuong-trinh-mon-ngu-van-4729.html>
- Ministry of Education and Training (2021). *Quyết định phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 6 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông [Decision Approving the list of 6th grade textbooks used in General education institutions]*. Retrieved from <http://gdnn-gdtx-namtruc.namdinh.edu.vn/van-ban-cong-van/quyet-dinh-718-qd-bgddt-ngay-09-02-2021-phe-duyet-danh-muc-s.html>

**A COMPARISON AMONG THE SYSTEMS
OF VIETNAMESE PRACTICE EXERCISES IN THREE SETS
OF LITERATURE TEXTBOOKS DESIGNED FOR THE 6TH GRADE STUDENTS
(THE GENERAL EDUCATION PROGRAM ISSUED IN 2018)**

Dinh Thi Thu Phuong

Thu Dau Mot University, Vietnam

Corresponding author: Dinh Thi Thu Phuong – Email: phuongdt@tdmu.edu.vn

Received: December 20, 2021; Revised: July 14, 2022; Accepted: August 24, 2022

ABSTRACT

The introduction of new textbooks in the 2018 General Education Program has brought many opportunities and challenges for textbook writers, educational administrators, teachers and students. Having access to different sets of textbooks at the same time requires the book selectors to have an overview to see the unique advantages of each textbook series. This paper approaches three sets of Literature textbooks designed for the 6th grade students according to the General Education Program in Vietnam in 2018 from the perspective of comparing and evaluating the system of Vietnamese practice exercises. The research results show that there are some differences among three sets of textbooks, such as in the order of arrangement, the focus of Vietnamese knowledge and the ability to meet the requirements of the General Education Program in Literature. The paper provides a general to detailed view of the Vietnamese exercise systems in three sets of Literature textbooks designed for the 6th grade students so that the localities and schools have more bases to evaluate and select textbooks to suit their educational needs and goals.

Keywords: *Canh dieu; Chan troi sang tao; Ket noi tri thuc voi cuoc song*; literature textbook designed for the 6th grade students; The General Education Program issued in 2018; Vietnamese practice exercises